dì bǎn

地板

Noun · Floor

Example Sentences

dì bǎn hěn gān jìng
地板很干净。
The floor is very clean.

hái zi men xǐ huān zuò zài dì bǎn shàng wán wán jù
孩子们喜欢坐在地板上玩玩具。
Children like to sit on the floor and play with toys.

zhè ge fáng jiān de mù dì bǎn xū yào dìng qī dǎ là bǎo yǎng
这个房间的木地板需要定期打蜡保养。
The wooden floor in this room needs regular waxing and maintenance.

Trace each character, then write the word on your own.